

Bản án số: 82/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-12-2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương
2. Ông Đặng Thành Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2020/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Kiều T, sinh năm 1988 (có mặt)

Đăng ký thường trú: ấp Đ, xã Ph, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Chỗ ở hiện nay: ấp M, xã L, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn N, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Lê Kiều T trình bày: Chị và anh Lê Văn N chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu và có 02 con chung, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, do anh N không lo cho gia đình, vợ chồng thường

hay cãi vã. Vợ chồng đã ly thân khoảng 9 năm, do tình cảm không còn chị T yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Kiều N1, sinh ngày 06/02/2006, Lê Kiều N2, sinh ngày 19/6/2008. 02 cháu hiện đang sống với chị T, chị T yêu cầu nuôi con. Tại phiên tòa chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn anh Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Chị Lê Kiều T và anh Lê Văn N tự nguyện chung sống vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn, nên được coi là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của chị T thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do anh N không lo cho gia đình, vợ chồng thường hay cự cãi và vợ chồng đã ly thân khoảng 9 năm nay. Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến gì với cuộc hôn nhân của anh, và qua lời khai của chị T cũng thể hiện anh, chị đã không còn chung sống khoảng 9 năm nay. Điều đó cho thấy chị T và anh N mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu ly hôn là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình sống chung chị T và anh N có 02 người con chung hiện đang sống với chị T. Cháu N1 và cháu N2 đều có nguyện vọng sống chung với chị T. Và qua xác minh, hiện các cháu sống với chị T được nuôi dưỡng tốt, đủ điều kiện để phát triển lành mạnh về các mặt sau này. Vì vậy Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên chị T yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi mỗi người con 2.000.000

đồng/tháng là không có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ chị T không chứng minh được thu nhập hàng tháng của anh N là bao nhiêu tiền, khả năng thực tế anh N cấp dưỡng nuôi con được là như thế nào. Do đó Hội đồng xét xử chỉ buộc anh N cấp dưỡng nuôi mỗi người con bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu là 745.000 đồng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Kiều T phải chịu 300.000 đồng. Anh N phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Kiều T và anh Lê Văn N được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Lê Thị Kiều N1, sinh ngày 06/02/2006, Lê Kiều N2, sinh ngày 19/6/2008 cho chị Lê Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N1, cháu N2 tròn 18 tuổi. Buộc anh Lê Văn N phải cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng là 745.000 đồng (*bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*) cho đến khi cháu N1, cháu N2 tròn 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Kiều T phải chịu là 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã đóng theo biên lai số 0004208 ngày 06 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị T đã đóng xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, anh Lê Văn N phải chịu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- UBND xã Đ,
- h. Châu Thành, t. Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Ngô Huỳnh